

MỘT DÒNG VĂN HÓA VẬT THỂ

ven sông Cầu

LÊ THỊ HIỀN*

Bắt nguồn từ tỉnh Thái Nguyên, sông Cầu (Nguyệt Đức Giang) chảy vào địa giới huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang), Sóc Sơn (thành phố Hà Nội) và hợp lưu với sông Cà Lồ tại ngã ba Hương La (Ngã Ba Xà), thuộc địa phận xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sông Cầu tiếp tục chảy qua các huyện Hiệp Hoà, Việt Yên, Yên Dũng (của tỉnh Bắc Giang) và Yên Phong, thành phố Bắc Ninh, Quế Võ (tỉnh Bắc Ninh) rồi đổ vào sông Lục Đầu. Đã một thời, sông Cầu là trục giao thương quan trọng, đã tạo cho Bắc Ninh, đặc biệt là lưu vực sông Cầu, sớm trở thành nơi hội tụ của người Việt cổ. Qua diễn trình lịch sử hàng nghìn năm đến nay, bên dòng sông Cầu đã tồn tại một dòng văn hóa vật thể, phi vật thể vô cùng phong phú và đặc sắc.

Các làng xã bên sông Cầu hiện nay hầu hết đều có lịch sử hình thành từ rất sớm. Tại lưu vực sông Cầu thuộc địa phận huyện Yên Phong đã phát hiện nhiều di tích chứa đựng những dấu tích của người Việt cổ. Tại di chỉ Nội Gầm thuộc thôn Phù Cẩm (xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong) đã phát hiện nhiều hiện vật của một xưởng chế tác đá tại chỗ. Căn cứ vào

kỹ thuật chế tác, loại hình hiện vật thì di chỉ Nội Gầm thuộc giai đoạn văn hóa Đông Đậu - nền văn hóa tiền Đông Sơn, đặc biệt là sự phát hiện quả cân - một minh chứng cho sự trao đổi về kinh tế và giao lưu hàng hoá ở vùng ven sông Cầu trong thời đại đồng thau. Lớp trên của di chỉ Nội Gầm là những mảnh gốm ở các thời kỳ tiếp theo, nhiều gốm men ngọc thời Lý, Trần, Lê...

Từ Nội Gầm, xuôi dòng sông Cầu khoảng 5 km, đến sườn núi Quả Cảm, thuộc xã Hoà Long đã phát hiện một di chỉ khảo cổ học khác. Các hiện vật phát hiện ở đây rất phong phú, kỹ thuật chế tác tinh xảo hơn. Kết quả thu được ở 2 di chỉ trên cho thấy, đời sống kinh tế, văn hóa của người Việt cổ ven sông Cầu liên tục và ngày càng phát triển.

Đọc theo các làng cổ ven sông Cầu, từ ngã ba Hương La đến Quả Cảm, thuộc huyện Yên Phong, còn phát hiện nhiều ngôi mộ cổ và nhiều hiện vật gốm thời Đông Hán ở các làng Như Nguyệt, Vọng Nguyệt (xã Tam Giang), làng Đông Xuyên (xã Đông Tiến), làng Chân



Bến đò Như Nguyệt, Yên Phong, Bắc Ninh - Ảnh Duy Nhất

Lạc (xã Dũng Liệt), làng Phấn Động, Đại Lâm, Thọ Đức (xã Tam Đa)...

Dưới thời Bắc thuộc, sự phát triển liên tục của cư dân ven sông Cầu được chứng minh bởi những dấu tích lò gốm men nhẹ lửa. Đặc biệt, khu vực thuộc làng Đường Xá (xã Vạn An) đã phát hiện cả một khu lò gốm cổ có niên đại thế kỷ IX - X. Hiện vật thu được là các bức tường lò xây gạch còn khá nguyên vẹn, các loại bình gốm, ang, chậu, nổi thân tròn, miệng loe, trang trí văn thừng, trong đó một số có vết tích của men. Lò gốm cổ Đường Xá là một dấu ấn của lịch sử Việt Nam chuyển tiếp từ thời Bắc thuộc sang thời tự chủ.

Dưới thời tự chủ, vùng này vẫn là nơi sầm uất giao lưu buôn bán. Tôn giáo, tín ngưỡng với hệ thống đình, đền, chùa, tháp, lăng mộ phát triển, như chùa làng Như Nguyệt (còn gọi là chùa Bồ Vàng), thuộc xã Tam Giang, huyện Yên Phong, cách bến sông Như Nguyệt khoảng 100 m. Nơi đây cũng là một địa điểm quan trọng trong cuộc kháng chiến chống giặc Tống ở thời Lý. Người dân làng Như Nguyệt còn

lưu truyền câu ca:

Thời vua Thái Tổ, Thái Tông

Cây gỗ trôi sông làm chùa Như Nguyệt.

Theo tài liệu văn bia còn lại thì chùa Như Nguyệt được trùng tu lớn vào năm Chính Hoà thứ 7 (1686), và gần đây, được dựng lại hoàn toàn. Hiện chùa còn 2 chân tảng đá mài lớn, đường kính 74 cm, chạm khắc một đài sen 16 cánh, ở mỗi cánh chạm nổi đôi rồng ở thể đăng đối. Đây là nghệ thuật đặc trưng của thời Lý - đồng dạng với các chân tảng đá ở chùa Phật Tích (niên đại 1056), chùa Dạm (1068). Căn cứ vào hiện vật này và câu ca truyền miệng trên, thì chùa Như Nguyệt có thể được dựng vào thời Lý Thái Tông (1038 - 1054).

Cách chùa Như Nguyệt khoảng 500 m là chùa làng Vọng Nguyệt (tên chữ là Khai Nghiêm tự). Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Chùa Khai Nghiêm ở xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong do Nguyệt Sinh công chúa nhà Lý dựng. Năm Khai Hựu thứ 5 đời Trần Hiến Tông (1333) người xã ấy sửa sang lại. Đời Dụ Tông (1341 - 1369) Hàn lâm học sỹ Trương

Hán Siêu soạn văn bia, đến nay vẫn còn”.

Chùa Khai Nghiêm nằm đầu làng Vọng Nguyệt. Tấm bia đá *Khai Nghiêm bi ký* được đặt trên bệ đá, kích thước 1,14 m x 0,79 m x 0,27 m. Mặt trước khắc bài minh bằng chữ Hán, mặt sau khắc dòng chữ “Cảnh Thịnh ngũ niên tuế thứ Đinh Tỵ trùng khắc” (năm 1797), có lẽ do chữ bị mờ nên ở thời điểm này chỉ khắc lại phần chữ - diềm bia vì không được khắc lại lên phần lớn bị mờ, chỉ còn một dải hoa dây và một băng hình sóng. Phần cuối tấm bia ghi: “Khai Hộ thập nhất niên Kỷ Mão tuế, nhị nguyệt thập ngũ nhật (ngày 15 tháng 2 năm 1339). Chính nghị đại phu, Hàn lâm học sỹ, Chi chế cao kiêm Thiên trị nội mật, Viên sự, Chương báo tứ kim ngự đại nha thủy Trương Hán Siêu thăng phủ ký”. Nội dung của tấm bia này do Nho sỹ Trương Hán Siêu soạn muốn nói đến việc đả phá đạo Phật. Bởi lẽ, ở xã hội thời Trần, mặc dù Nho giáo đã phát triển nhưng không thể du nhập một cách tự nhiên, ở tại vào quần chúng như Phật giáo. Với cách nhìn của một nhà Nho lớn ông cho rằng: “Đạo Phật là một chuyện hoang đường mà nhiều người có quyền thế, ngoại đạo a dua theo... các bậc thánh hiền ngày càng xa cách, chính đạo ngày càng lu mờ...”. Mặc dù vậy sự ra đời và hưng thịnh của Phật giáo đã để lại cho hậu thế những di sản văn hóa đầy giá trị. Đến thời Lê và Nguyễn chùa Khai Nghiêm lại được tu sửa lớn, dựng thạch trụ thiên đài vào năm Vĩnh Thịnh nguyên niên (1705), đúc chuông đồng lớn vào năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799) và tạc nhiều pho tượng Phật. Đến nay các hiện vật này còn khá nguyên vẹn - có thể nói đây là những tác phẩm nghệ thuật độc đáo - những văn bản Hán Nôm quý hiếm có giá trị lịch sử cao.

Đền làng Vọng Nguyệt nằm cuối làng Vọng Nguyệt, hiện còn hai tấm bia đá *Bản thân bi ký* (bia ghi sự tích của thần) dựng năm Dương Hoà thứ 8 (1642) và 36 đạo sắc phong ở đền, từ năm Dương Đức thứ 2 (1673) đến năm Khải Định thứ 9 (1924), cho biết, đền thờ hai vị tướng thời Lý có công lãnh đạo đội dân binh làng Vọng Nguyệt chống giặc Tống là công chúa Lý Nguyệt Sinh - con gái vua Lý Thái Tông và chồng là Phò mã Độ úy Chu Đình Dự.

Có thể nói, Vọng Nguyệt là một làng Việt cổ, đã chứa đựng một kho sử liệu lớn bằng vật chất. Đây là những bằng chứng thực, đánh dấu

Lê Thị Hiền: *Một dòng văn hóa vật thể ven sông Cầu*

những mốc son thăng trầm của một cộng đồng làng xã trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc.

Đọc tuyến sông Cầu từ “Thượng Đứ Đuổm, hạ Lục Đầu Giang” có tục thờ Thánh Tam Giang (Trương Hồng, Trương Hát) - 2 vị tướng đã đi vào lịch sử dân tộc từ thế kỷ thứ VI. Nhìn chung, do lợi thế “cận giang” (vận chuyển nguyên vật liệu thuận lợi) nên các di tích ven sông Cầu đều có quy mô khá lớn, các hiện vật bằng đá nhiều hơn so với các khu vực khác trong tỉnh Bắc Ninh.

Một số di tích khác nổi tiếng là đền Chân Lạc (xã Đùng Liệt), nằm cách đi chỉ Nội Gám khoảng 200m. Đền thờ 3 vị thần là: Thủy tộc long quân, Hoàng Hà long khiết phu nhân và Tam Giang công chúa thời Hùng Vương. Nội dung câu đối ở đền còn ghi rõ việc vua Đinh Tiên Hoàng trên đường đi đánh giặc, tháng 6 năm Mậu Dần, vào đền cầu đảo được linh ứng, nên đã làm thơ ở đền. Ngôi đền hiện nay là một công trình kiến trúc lớn, gồm: Thượng, trung, hạ điện (mỗi toà 3 gian 2 chái), kết cấu kiểu chữ tam, 2 bên có tả, hữu vu (mỗi toà 5 gian), nối liền đầu hồi với toà trung điện, đền quay hướng Tây. Bố cục này cùng với các đầu đao cong tạo cho toàn bộ di tích có thể phượng bay bổng, đây là đặc điểm nổi bật so với các ngôi đền ở Bắc Ninh hiện nay. Tài liệu văn bia ở đền ghi chép khá rõ việc tiến sỹ Nguyễn Long Bảng, sau khi đỗ đại khoa (1683), làm quan trong triều, rồi về làng, bằng thuật phù thủy đã cùng dân làng di chuyển đền về vị trí hiện nay. Nghệ thuật chạm trổ trên các bức cốn, cửa võng là các đề tài “tứ linh”, “tứ quý” quen thuộc. Các di vật cổ cũng phong phú, như: Sập đá chân quỳ chạm nổi rồng mây, hoa lá; hai tấm bia đá dựng năm Chính Hoà thứ 26 (1705) và năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714). Nội dung văn bia ghi những điều khoán ước của làng Chân Lạc: “Lập điều ước lâu dài, có điều ước thì mọi người mới kính trọng, chiếu vào những điều khoán ước mà làm; có như vậy mới thành mỹ tục”. Các di vật cổ bằng gỗ gồm có bức tượng gia đình thánh nương hợp quần, mặt người mình rồng với những nét đục chạm tinh tế, rồi phỗng, hạc, kiệu bát cống, quán tấu... là những tác phẩm nghệ thuật đáng quý.

Chùa Chân Lạc (Thiệu Khánh tự): Theo tấm bia đá dựng năm Đức Long thứ 2 (1630) thì chùa được khởi dựng từ thời Đinh. Đến thời Lý,

chùa có tên là Quảng Báo, do nhà sư Nguyễn Nguyên Học trụ trì, học trò có hàng trăm tăng đồ. Hiện nay, chùa còn tám tấm bia đá, chủ yếu ghi chép việc trùng tu Thiệu Khánh tự, làm vào các năm Đức Long thứ 2 (1630), Chính Hoà thứ 11 (1690), Chính Hoà thứ 16 (1695), Vĩnh Thịnh thứ 11 (1716), Long Đức thứ 4 (1735), Cảnh Hưng thứ 11 (1750), Cảnh Hưng thứ 32 (1771), Thái Đức thứ 16 (1793). Chùa còn lưu giữ một án thờ bằng đá xanh, mặt trên ghi "Quảng Báo tự", có kích thước 1,43 m x 0,85 m. Điều đặc biệt là chiếc án thờ này đã ghi niên đại ở 2 thời khác nhau. Phiến đá mặt thượng và 2 bên hồi có cùng một chất đá, được tạo lỗ mộng dài để liên kết. Một phiến đá khác được ghép ở phía trước với chạm khắc khá kỳ công - với các mảng hoa văn phong phú, gồm 4 tầng: Tầng 1 trang trí cánh sen hoa lá cách điệu; tầng 2 chạm mây rồng, cá chép, long ngư, long mã, phượng bay; tầng 3 chạm mây lửa; tầng 4 là hình mặt trời và đao. Toàn bộ phiến đá là cả một thế giới cây cỏ hoa lá - nghệ thuật biểu tượng mang niên đại thời Hậu Lê (thế kỷ XVII).

Cùng với đền, chùa, là đình Chân Lạc - một công trình kiến trúc nghệ thuật có niên đại thế kỷ XVIII, kết cấu kiểu chữ Đinh, 5 gian 2 chái. Các cấu kiện gỗ to, khoẻ, nghệ thuật chạm lõng rồng mây là chủ đạo. Người được thờ ở đình là một vị tướng họ Ngô, người địa phương, làm quan trong triều ở thời Trần, có công giúp vua đánh giặc Nguyên. Thần phá, sắc phong, hệ thống hoành phi, câu đối cổ ở đình ghi khá rõ nét về vị tướng này.

Truyền lại, đình, đền, chùa Chân Lạc được dựng trên khu đất, mà trước đây, là một căn cứ quân sự lớn gọi là Trại Chùa và Dinh Loan của Lý Thường Kiệt (gần khu vực này còn tên cánh đồng Mả Giặc, Bãi Xác...).

Minh chứng cho sự phong phú về một dòng văn hóa vật thể ven sông Cầu còn có làng Đại Lâm (xã Tam Đa), nằm dọc 2 km theo bờ sông Cầu. Di tích của làng thờ 3 vị thần: Minh Công, Nghiêm Công và Trì Công có công giúp Thánh Gióng đánh giặc Ân thời Hùng Vương. Ở đây, đã phát hiện những chiếc rìu đá, đục đá của thời đại đá mới và nhiều hiện vật gốm Bắc thuộc. Đại Lâm còn có hệ thống di tích đình, đền, nghệ, chùa cổ bề thế, trong đó nổi lên với trên 20 tấm bia, mỗi tấm có những nội dung, nghệ thuật chạm khắc riêng... Đình Đại Lâm

có 7 tấm bia đá, chủ yếu ghi việc công đức, tu sửa đình ở các thời và khoán ước của làng, trong đó có các tấm bia trụ tứ diện (thời Lê) và bia nhị diện (thời Nguyễn), dựng vào các năm: Chính Hoà thứ 14 (1693), Chính Hoà thứ 16 (1695), Long Đức thứ 2 (1733), Cảnh Hưng thứ 4 (1743), Thành Thái thứ 5 (1893), Thành Thái thứ 10 (1898).

Nghè Đại Lâm còn 5 tấm bia đá, trong đó 3 tấm (Tự Đức thứ 35 - 1883) ghi "Thực lại tam vị đại vương" (sự tích 3 vị thần) được thờ ở làng. Tấm bia dựng năm Gia Long thứ 3 (1804) ghi việc tạo lập vạ Đại Bạng - một vạ trên gò đất lớn bên sông Cầu xưa - nay là làng Vạn Phúc thuộc xã Vạn An, huyện Yên Phong. Tấm bia dựng năm Gia Long thứ 16 (1817) ghi việc lập bến đò xã Đại Lâm.

Bia đá chùa Đại Lâm thực sự đáng quan tâm. Đó là các bia dựng năm Hưng Trị thứ 3 (1590) trên thân rùa, bia dựng năm Phúc Thái thứ 6 (1648), Khánh Đức thứ 2 (1650), Vĩnh Thọ thứ 2 (1659), Chính Hoà thứ 11 (1690), Tự Đức thứ 6 (1853) và 2 tấm bia *Ký ký bi ký* (bia gửi giỗ) dựng thời Thành Thái (1888 - 1907).

Tại khu vực sân chùa Đại Lâm có 2 rỗng đá (dài 1,3m) chạm khắc kỳ công: Thân uốn yên ngựa, có đủ vây, vẩy, đầu có sừng, bờm như ngọn lửa - đây là loại hình đặc trưng của rồng thế kỷ XVIII, loại hình hiếm thấy ở Bắc Ninh, 4 lần đá ở tư thế nằm bờm xuôi xuống, trên đầu, vai chạm những dải mây lười mác, cùng phong cách nghệ thuật với rồng yên ngựa. Trên tường và nền chùa còn thấy nhiều viên gạch trang trí rồng nổi - sản phẩm của thời Mạc. Trong di tích làng Đại Lâm còn lưu giữ 20 đạo sắc phong của 2 thời Lê, Nguyễn...

Các di tích, di vật của các làng xã ven sông Cầu là những dấu ấn văn hoá vật thể minh chứng cho sự tồn tại, phát triển không ngừng của cư dân ở đây. Đó là những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, thể hiện tài nghệ của các thế hệ con người nối tiếp nhau trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc hàng nghìn năm, tạo nên một dòng văn hóa phong phú, đặc sắc của vùng quê ven sông Cầu. Người dân ven sông Cầu tự hào với những thành tựu của cha ông, cùng nhau gìn giữ bảo vệ phát huy giá trị di sản nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./